

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo**NGHỊ ĐỊNH**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về thu phí sử dụng đường bộ cao tốc đối với phương tiện lưu thông trên tuyến đường bộ cao tốc thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và trực tiếp quản lý, khai thác

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung bởi Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về thu phí sử dụng đường bộ cao tốc đối với phương tiện lưu thông trên tuyến đường bộ cao tốc thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và trực tiếp quản lý, khai thác.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về thu phí sử dụng đường bộ cao tốc đối với phương tiện lưu thông trên tuyến đường bộ cao tốc thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và trực tiếp quản lý, khai thác

1. Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại khoản 2 Điều 1; Điều 9; khoản 6, khoản 7 Điều 12.

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 và khoản 2 Điều 3 như sau:

“1. Đường bộ cao tốc đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được thiết kế, đầu tư xây dựng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về đường cao tốc và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật khác có liên quan;

b) Có hệ thống thiết bị lắp đặt tại các điểm thu được kết nối liên thông với Hệ thống điều hành và trung tâm dữ liệu thanh toán tiền phí sử dụng đường bộ cao tốc do Bộ Xây dựng đầu tư, tổ chức quản lý, vận hành, khai thác;

c) Hoàn thành bàn giao, đưa vào khai thác theo quy định của Luật Đường bộ, quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Có Đề án khai thác tài sản được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Đường bộ cao tốc đã được quyết định chủ trương đầu tư trước ngày Luật Đường bộ có hiệu lực thi hành, khi đưa vào khai thác mà chưa đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 45, khoản 2 Điều 47 của Luật Đường bộ thì việc thu phí sẽ được triển khai thực hiện sau khi hoàn thành việc xây dựng, lắp đặt hạ tầng trạm thu phí, thiết bị phục vụ việc thu phí; các công trình thiết yếu của trạm dừng nghỉ (bao gồm: đường ra, vào trạm dừng nghỉ; bãi đỗ xe; khu vực vệ sinh; không gian nghỉ ngơi); cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thiết bị công nghệ để quản lý, điều hành giao thông và có Đề án khai thác tài sản được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Đối tượng miễn thu phí

Đối tượng miễn thu phí sử dụng đường bộ cao tốc khi lưu thông trên tuyến đường bộ cao tốc do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và trực tiếp quản lý, khai thác bao gồm:

1. Xe cứu thương.

2. Xe chữa cháy.

3. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng bao gồm các xe mang biển số: Nền màu đỏ, chữ và số màu trắng dập chìm có gắn các thiết bị chuyên dụng cho quốc phòng (bao gồm: Xe xi téc, xe cần cẩu, xe chở lực lượng vũ trang hành quân được hiểu là xe ô tô chở người có từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe vận tải có mui che và được lắp đặt ghế ngồi trong thùng xe, xe kiểm soát, xe kiểm tra quân sự, xe chuyên dùng chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn, xe thông tin vệ tinh, các xe ô tô đặc chủng khác phục vụ quốc phòng), xe đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp sử dụng một trong các tín hiệu ưu tiên theo quy định của pháp luật trong trường hợp làm nhiệm vụ khẩn cấp.

4. Xe chuyên dùng của các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức của công an nhân dân bao gồm:

a) Xe cảnh sát giao thông có in dòng chữ “CẢNH SÁT GIAO THÔNG” ở hai bên thân xe;

b) Xe cảnh sát 113 có in dòng chữ “CẢNH SÁT 113” ở hai bên thân xe;

c) Xe cảnh sát cơ động có in dòng chữ “CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG” ở hai bên thân xe;

d) Xe vận tải có lắp ghế ngồi trong thùng xe của lực lượng công an nhân dân làm nhiệm vụ;

đ) Xe chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn và các xe chuyên dùng khác của Bộ Công an;

e) Xe đặc chủng, bao gồm: xe thông tin vệ tinh, xe chống đạn, xe phòng chống khủng bố, chống bạo loạn và các xe đặc chủng khác của Bộ Công an;

g) Xe của lực lượng công an đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp sử dụng tín hiệu ưu tiên theo quy định của pháp luật.

5. Xe chuyên dùng phục vụ tang lễ, gồm:

a) Xe có kết cấu chuyên dùng phục vụ tang lễ (bao gồm: Xe tang, xe tải lạnh dùng để lưu xác và chở xác);

b) Xe liên quan phục vụ tang lễ là xe chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ có chứng nhận đăng ký xe mang tên doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phục vụ tang lễ, bao gồm: xe chở khách đi cùng xe tang, xe tải chở hoa, xe rước ảnh. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phục vụ tang lễ có văn bản cam kết các loại xe này chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ gửi cơ sở đăng kiểm khi kiểm định xe, trong đó nêu cụ thể số lượng xe, biển số xe theo từng loại.

6. Đoàn xe có xe cảnh sát giao thông dẫn đường.

7. Xe của lực lượng quốc phòng tham gia diễn tập, hành quân cơ động lực lượng, vận chuyển vũ khí, trang bị có xe chuyên dụng quân sự dẫn đường.

8. Xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng sử dụng vé đường bộ toàn quốc quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

9. Xe hộ đê; xe đang làm nhiệm vụ khẩn cấp phòng, chống lụt bão theo điều động của cấp có thẩm quyền.

10. Xe làm nhiệm vụ vận chuyển thuốc men, máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hóa đến những nơi bị thảm họa hoặc đến vùng có dịch bệnh theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm.

11. Xe của lực lượng cảnh sát giao thông được Cục Cảnh sát Giao thông xác nhận làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra trên tuyến.

12. Xe làm nhiệm vụ tuần đường, tuần kiểm, kiểm tra hiện trường, xử lý sự cố, bảo trì và bảo đảm an toàn giao thông trên tuyến đường bộ cao tốc của cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị quản lý, vận hành khai thác tuyến và xe làm nhiệm vụ kiểm tra công tác quản lý thu phí của cơ quan quản lý thu phí sử dụng đường bộ được cơ quan có thẩm quyền xác nhận”.

4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán phí sử dụng đường bộ cao tốc là đơn vị đã được Bộ Xây dựng lựa chọn, đang vận hành Hệ thống điều hành và trung tâm dữ liệu thanh toán phí sử dụng đường bộ cao tốc do Bộ Xây dựng đầu tư, tiếp

tục là đơn vị đề cơ quan quản lý thu hoặc cơ quan có thẩm quyền lựa chọn đề cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ cao tốc cho các tuyến cao tốc khác.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Quản lý phí sử dụng đường bộ cao tốc trong trường hợp cơ quan quản lý đường bộ trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cao tốc

1. Cơ quan quản lý thu mở tài khoản phí chờ nộp ngân sách tại Kho bạc nhà nước để quản lý phí sử dụng đường bộ cao tốc.

2. Toàn bộ phí sử dụng đường bộ cao tốc thu được phải nộp vào ngân sách nhà nước, cụ thể:

a) Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ chuyển toàn bộ số tiền thu phí sử dụng đường bộ thu được vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của cơ quan quản lý thu mở tại Kho bạc nhà nước. Thời gian chuyển tiền không quá 48 giờ, trong đó không quá 24 giờ đối với số tiền đã phát sinh trên tài khoản nhận tiền thu phí của nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ kể từ thời điểm chốt số liệu. Trường hợp vào các ngày lễ, ngày nghỉ mà hệ thống ngân hàng nghỉ làm việc không thực hiện được việc chuyển tiền qua hệ thống ngân hàng thì sẽ chuyển vào ngày làm việc kế tiếp;

b) Trên cơ sở đối soát số liệu thu phí hàng tháng, Cơ quan quản lý thu nộp toàn bộ số tiền thu phí sử dụng đường bộ cao tốc thu được vào ngân sách nhà nước. Thời gian chuyển tiền không quá ngày 20 của tháng tiếp theo và chi tiết theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

c) Phí sử dụng đường bộ cao tốc do trung ương quản lý nộp vào ngân sách trung ương, phí sử dụng đường bộ cao tốc do địa phương quản lý nộp vào ngân sách địa phương;

d) Đối với các tuyến đường bộ cao tốc do ngân sách trung ương và ngân sách địa phương hợp vốn đầu tư, phí sử dụng đường bộ cao tốc thu được nộp vào ngân sách nhà trung ương và ngân sách địa phương theo tỷ lệ vốn góp đầu tư Dự án;

Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các địa phương liên quan xây dựng phương án tỷ lệ phân chia khoản thu phí sử dụng đường bộ cao tốc giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; xác định cụ thể tại Đề án khai thác tài sản do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Nguồn kinh phí cho việc thực hiện thu phí sử dụng đường bộ cao tốc do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của cơ quan quản lý thu.

a) Nội dung chi: chi phí thuê dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ, chi phí thuê đơn vị vận hành thu, chi phí cho hoạt động quản lý thu phí sử dụng đường bộ cao tốc của cơ quan quản lý thu phí;

b) Cơ sở xác định chi phí

- Chi phí cung cấp dịch vụ thu phí được xác định trên cơ sở kết quả lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ và đơn vị vận hành thu theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan;

- Chi phí cho hoạt động quản lý thu phí sử dụng đường bộ cao tốc của cơ quan quản lý thu phí được xây dựng căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định.

c) Nguồn kinh phí thực hiện

- Đối với các tuyến cao tốc do trung ương quản lý: nguồn ngân sách trung ương;
- Đối với các tuyến cao tốc do địa phương quản lý: nguồn ngân sách địa phương.”

6. Bổ sung điểm c Khoản 6 Điều 12 như sau:

“c) Hướng dẫn quy định về tiêu chí giám sát, nghiệm thu, phương pháp đánh giá, khấu trừ kinh phí quản lý, vận hành, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống thu phí theo chất lượng thực hiện”.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư, Chủ tịch nước;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Gia Túc